| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 7 – GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 41/2026/HS -ST
Ngày: 12-3-2026.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Khả Thế.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: ông Quách Đình Hoằng và bà Nguyễn Thị Bắc.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Gia Lai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST-HS ngày 27/02/2026, đối với bị cáo:

**Trần Minh T** (tên gọi khác: Chúc ba gác). Sinh năm: 1983, tại Gia Lai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nơi ĐKHK thường trú: Tổ F, phường D, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Hẻm S đường T, tổ C, phường P, tỉnh Gia Lai.

Số CCCD: 064083011009, cấp ngày 12/11/2021.

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Trần Văn T1, sinh năm 1954 và bà Võ Thị V, sinh năm 1955.

Cha và mẹ của bị cáo hiện trú tại hẻm S đường T, Tổ C, phường P, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có 07 chị, em ruột (lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1989). Bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1991.

Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2016. Vợ và con của bị cáo hiện trú tại hẻm S đường T, Tổ B, phường P, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

Ngày 28/6/1997, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh G Quyết định đưa vào học tập tại Trường G, huyện H, Thành phố Đà Nẵng (cũ), về hành vi trộm cắp tài sản; thời hạn 24 tháng. Ngày 02/6/1999, chấp hành xong thời gian học tập giáo dưỡng.

Ngày 01/02/2000, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh G Quyết định đưa vào học tập tại Trường G, huyện H, Thành phố Đà Nẵng (cũ), về hành vi trộm cắp tài sản; thời hạn 24 tháng. Ngày 17/5/2000, bỏ trốn khỏi trường G.

Ngày 22/06/2001, bị Toà Phúc thẩm - Toà án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng, xét xử, tuyên phạt 15 năm tù về tội: *"Giết người"* theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tại Bản án số 364/HSPT). Chấp hành án tại Trại giam G1, tỉnh Gia Lai. Ngày 15/9/2012, chấp hành xong hình phạt tù và chấp hành xong các quyết định khác trong Bản án. Lần bị kết án này, Trần Minh T đã được xoá án tích.

Bị cáo Trần Minh T bị tạm giữ từ ngày 02/6/2025, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Phân trại tạm giam Pleiku - Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh G. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người chứng kiến*:

- Ông Hoàng Duy H; địa chỉ: Tổ D, phường T, tỉnh Gia Lai.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh T có sử dụng ma tuý. T có quen biết Nguyễn Thanh K (sinh năm 1991, nơi cư trú số E đường S, Tổ A, phường T; chỗ ở số nhà C đường H, Tổ D, phường T, tỉnh Gia Lai). Vào sáng ngày 30/5/2025, T đến Bến xe Đ Gia Lai, thuộc làng N, phường H, tỉnh Gia Lai thì gặp đối tượng tên H1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người quen ngoài xã hội của T. Do biết H1 là người có bán ma tuý nên T hỏi H1 mua ma tuý đá với giá 4.000.000 đồng để sử dụng, H1 đồng ý và đưa cho T 01 gói nilon, bên trong có 03 bì nilon, 28 gói nilon và 01 đoạn ống hút nhựa hàn kín 02 đầu, đều là ma tuý đá. Sau khi mua được ma tuý, T đã sử dụng hết 02 gói; số ma tuý còn lại, T cất giữ trong người để sử dụng dần. Đến khoảng 05 giờ ngày 02/6/2025, T đến nhà của Nguyễn Thanh K để xin ngủ nhờ. Khoảng 09 giờ ngày 02/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G phối hợp với Công an phường Đ (nay là Công an phường T) đến kiểm tra hành chính nơi ở của Nguyễn Thanh K. Qua làm việc thì Trần Minh T khai nhận đã cất giấu ma tuý trong túi xách của T; đồng thời giao nộp, gồm: 03 bì nilon bên trong đều chứa chất màu trắng dạng tinh thể; 26 gói nilon được hàn kín, bên trong đều chứa chất màu trắng dạng tinh thể; 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh được hàn kín, bên trong chứa chất màu trắng dạng tinh thể (đã được niêm phong mã số PS3 23005359); 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có dòng chữ "REPUBLICH OF GAMEPS" và 01 chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có dòng chữ "HUAWEI LEICAVARIO". Trên cơ sở lời khai của Trần Minh T và vật chứng đã thu giữ, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thanh K và thu giữ tại giường ngủ của K, gồm: 01 túi nilon, bên trong

chứa 4,4541 gam ma tuý, loại Methamphetamine; 01 khẩu súng và 05 viên đạn (là vũ khí quân dụng).

Qua trưng cầu giám định, tại bản Kết luận giám định số 544/KL-KTHS ngày 09/6/2025 của phòng K1 - Công an tỉnh G kết luận: *"Chất màu trắng dạng tinh thể trong 03 bì nilon; 26 gói nilon và 01 đoạn ống hút nhựa, được niêm phong trong túi niêm phong "Mã số PS3 23005359" là ma tuý, loại Methamphetamine, khối lượng 32,4917 gam"*

Tại bản Cáo trạng số: 69/CT-VKS, ngày 03 tháng 02 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Gia Lai đã truy tố bị cáo Trần Minh T về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung ở trên.

Trình bày luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 249; Điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T mức án từ 11 (mười một) năm tù đến 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày (02/6/2025).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*Về vật chứng vụ án*: Áp dụng điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 bì công văn mặt trước ghi mã số PS3 23005359 và dòng chữ *"Số 544/KL-KTHS ngày 09/6/2025"*, có dấu niêm phong của phòng K1 - Công an tỉnh G là ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy;

+ 01 chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có dòng chữ "REPUBLICH OF GAMEPS" và 01 chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có dòng chữ "HUAWEI LEICAVARIO". Đây là tài sản của cá nhân bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

*Các vấn đề khác*:

Đối với đối tượng tên H1 là người mà bị cáo Trần Minh T khai đã bán ma túy cho T. Do T không biết được nhân thân, lai lịch của đối tượng H1; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã tiến hành điều tra, xác minh tại địa bàn phường H, nhưng không xác định được đối tượng tên H1; đồng thời Cơ quan điều tra đã kiểm tra nhật ký cuộc gọi và tin nhắn 02 chiếc điện thoại đã thu giữ của T đều không xác định được số điện thoại của đối tượng H1 và nội dung liên quan đến việc mua bán chất ma tuý nên chưa có căn cứ để điều tra. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi tàng trữ 4,4541 gam ma tuý, loại Methamphetamine; 01 khẩu súng và 05 viên đạn (là vũ khí quân dụng) của Nguyễn Thanh K đã bị Toà án

nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, xét xử tại Bản án số 54 ngày 29/9/2025 và Bản án số 83/2025/HSST ngày 26/12/2025.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật bị cáo rất hối hận về việc làm của mình. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền và trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Trong quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ như các biên bản về hoạt động điều tra, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản khám xét.

[3] Như vậy, có cơ sở xác định:

Sáng ngày 30/5/2025, tại khu vực Bến xe Đ Gia Lai, thuộc làng N, phường H, tỉnh Gia Lai, Trần Minh T đã mua đối tượng tên H1 (không rõ nhân thân, lai lịch) 01 gói nilon, bên trong chứa 03 bì nilon, 28 gói nilon và 01 đoạn ống hút nhựa hàn kín 02 đầu, đều chứa ma tuý đá với giá 4.000.000 đồng, nhằm mục đích để sử dụng. Sau khi mua được ma tuý, T đã sử dụng hết 02 gói; số ma tuý còn lại, T cất giữ trong người để sử dụng dần. Vào khoảng 05 giờ ngày 02/6/2025, T đến nhà của Nguyễn Thanh K ở số nhà C đường H, Tổ D, phường T, tỉnh Gia Lai (là bạn của T) để xin ngủ nhờ. Khoảng 09 giờ ngày 02/6/2025, khi T đang ở tại nhà của K, thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G phối hợp với Công an phường Đ (nay là Công an phường T) kiểm tra hành chính nơi ở của Nguyễn Thanh K, thì T đã tự nguyện giao nộp 03 bì nilon cùng 26 gói nilon và 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh được hàn kín, bên trong đều chứa chất màu trắng dạng tinh thể.

Qua trưng cầu giám định, tại bản Kết luận giám định số 544/KL-KTHS ngày 09/6/2025 của phòng K1 - Công an tỉnh G kết luận: *"Chất màu trắng dạng tinh thể trong 03 bì nilon; 26 gói nilon và 01 đoạn ống hút nhựa, được niêm phong trong túi niêm phong"Mã số PS3 23005359"là ma tuý, loại Methamphetamine, khối lượng 32,4917 gam".*

Hành vi tàng trữ 32,4917 gam ma túy loại Methamphetamine, với mục đích để sử dụng do bị cáo Trần Minh T thực hiện như đã nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Minh T đã phạm vào tội:

*"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

* Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

* Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hơn nữa, khi Cơ quan điều tra đến làm việc tại nhà Nguyễn Thanh K, bị cáo T đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số ma túy đang tàng trữ. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Xét tính chất hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và chế độ độc quyền quản lý Nhà nước về các chất ma túy là chất gây nghiện. Việc sử dụng trái phép chất ma túy để lại nhiều tác hại xấu cho đời sống xã hội, sự bình yên của cộng đồng và chính bản thân người sử dụng. Bản thân bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì có lối sống không lành mạnh, không tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà bị cáo đã phạm tội. Do vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với đối tượng tên H1 là người mà bị cáo Trần Minh T khai đã bán ma túy cho T. Do T không biết được nhân thân, lai lịch của đối tượng H1; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã tiến hành điều tra, xác minh tại địa bàn phường H, nhưng không xác định được đối tượng tên H1; đồng thời Cơ quan điều tra đã kiểm tra nhật ký cuộc gọi và tin nhắn 02 chiếc điện thoại đã thu giữ của T đều không xác định được số điện thoại của đối tượng H1 và nội dung liên quan đến việc mua bán chất ma tuý nên chưa có căn cứ để điều tra. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi tàng trữ 4,4541 gam ma tuý, loại Methamphetamine; 01 khẩu súng và 05 viên đạn (là vũ khí quân dụng) của Nguyễn Thanh K đã bị Toà án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, xét xử tại Bản án số 54 ngày 29/9/2025 và Bản án số 83/2025/HSST ngày 26/12/2025 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, trong 01 bì công văn mặt trước ghi mã số PS3 23005359 và dòng chữ *"Số 544/KL-KTHS*

*ngày 09/6/2025"*, có dấu niêm phong của phòng K1 - Công an tỉnh G là vật Nhà nước cấm lưu hành, sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

+ 01 chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có dòng chữ "REPUBLICH OF GAMEPS" và 01 chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có dòng chữ "HUAWEI LEICAVARIO". Đây là tài sản của cá nhân bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7] Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

**2.** Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T **11** (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2025.

**3.** Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì công văn mặt trước ghi mã số PS3 23005359 và dòng chữ *"Số 544/KL-KTHS ngày 09/6/2025"* là ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, có dấu niêm phong của phòng K1 - Công an tỉnh G.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có dòng chữ "REPUBLICH OF GAMEPS" và 01 chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có dòng chữ "HUAWEI LEICAVARIO"

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/02/2026 giữa Công an tỉnh G và Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7 – Gia Lai).*

**4.** Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Minh T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**5.** Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/3/2026).

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự*

*có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 - Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7 - Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Khả Thế**